

Số: 199/2020/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 16 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Vùng Đất S; địa chỉ: Tầng 04, tòa nhà T, số 249 đường N, phường V, quận T, thành phố Đ;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Viết N, chức vụ: Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Kim H, sinh năm 1984 – Trưởng Văn phòng Luật sư Kim H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ liên lạc: Số 20 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2020 của Tổng Giám đốc).

* Bị đơn: Ông La Xuân T; địa chỉ: Số 22 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông La Xuân T công nhận còn nợ của Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền là **3.306.666.666 đồng** (Ba tỷ ba trăm lẻ sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) bao gồm: Tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), tiền nợ lãi tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày 06/11/2020 là 306.666.666 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) với mức lãi suất là 10%/năm.

2.2. Về phương thức thanh toán: Ông La Xuân T thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là: **3.306.666.666 đồng** (Ba tỷ ba trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), chia làm 06 đợt cụ thể như sau:

- Đợt 1: Đến ngày 06/12/2020, ông La Xuân T phải trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 2: Đến ngày 06/01/2021, ông La Xuân T phải trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 3: Đến ngày 06/02/2021, ông La Xuân T phải trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 4: Đến ngày 06/3/2021, ông La Xuân T phải trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 5: Đến ngày 06/4/2021, ông La Xuân T phải trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 6: Đến ngày 06/5/2021, ông La Xuân T phải trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền còn lại là 556.666.666 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí tranh chấp: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là $[72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 1.306.666.666 \text{ đồng})]/2 = 49.066.666 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 49.067.000 đồng). Ông La Xuân T thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 49.067.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Vùng Đất S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.750.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000530 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)
Huỳnh Trọng Cẩn